TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 21/2019/HS-PT

Ngày 04 - 03 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Đồng Dực.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Hoan.

Ông Trần Đình Hiền.

- *Thư ký phiên toà:* Bà Trần Thị Ngân - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên tham gia phiên toà:* Ông Vũ Đức Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Hưng Yên xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 03/2019/TLPT-HS ngày 04/01/2019 đối với bị cáo Phạm Văn Q do có kháng cáo của bị cáo Q đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 31/2018/HSST ngày 30/11/2018 của Toà án nhân dân huyện L, tỉnh Hưng Yên.

- Bị cáo có kháng cáo: **Phạm Văn Q,** sinh năm 1978.

Nơi đăng ký HKTT: Thôn V, xã S, huyện L, tỉnh Hưng Yên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 03/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Phạm Văn H và bà Phạm Thị T ; có vợ là Bùi Thị Hồng M và 03 con, lớn sinh năm 2005 và nhỏ sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không; Bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20/6/2018. Bị cáo có mặt tại phiên toà.

- Người bị hại: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn Ô, xã Đ , huyện L, tỉnh Hưng Yên. *Có mặt*

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo: Anh Phạm Văn B, sinh N 1983; địa chỉ: Thôn V, xã S, huyện L, tỉnh Hưng Yên. Có mặt

- Người làm chứng:

Bà Phạm Thị T, sinh N 1942; Ông Phạm Văn H, sinh năm 1940; chị Phạm Thị G, sinh năm 1964; Chị Bùi Thị Hồng M, sinh năm 1983;

Đều có địa chỉ: Thôn V, xã S, huyện L, tỉnh Hưng Yên. (bà T, chị G, ông H vắng mặt; chị M có mặt).

Anh Đào Văn U, sinh năm 1979; địa chỉ: Thôn Ă , xã S, huyện L, tỉnh Hưng Yên. Có mặt

Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1971; địa chỉ: Thôn Ô, xã Đ , huyện L, tỉnh Hưng Yên. Vắng mặt.

Anh Vũ Văn A, sinh năm 1988; Địa chỉ: Thôn Ơ , xã K , huyện D , tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 14 giờ, ngày 24 tháng 4 năm 2018, anh Nguyễn Văn N đến nhà Phạm Văn Q ở để hỏi về việc Q vay tiền của N số tiền 140.000.000 đồng. Quá trình nói chuyện giữa Q và anh N xảy ra mâu thuẫn, lời qua tiếng lại với nhau. Anh N dùng tay đập xuống bàn uống nước làm 01 chén uống nước trên bàn bị rơi xuống nền sân vỡ làm 02 mảnh. Sau đó anh N chỉ tay vào mặt và dùng tay phải tát 01 nhát vào má bên phải của Q làm miệng Q bị chảy máu. Sau khi tát xong N quay lưng định đi thì bị Q dùng tay trái cầm gạt tàn thuốc lá bằng gỗ, màu nâu, cao 10 cm, đường kính 15 cm, có 06 chân đánh vào vùng trán anh N làm anh N bị thương. Thấy vậy bà Phạm Thị T là mẹ đẻ Q vào can ngăn nên hai người dừng lại. Anh N bị Q đánh gây thương tích đến Trạm y tế xã S để rửa, khâu vết thương, sau đó đến Trung tâm y tế huyện L khám và điều trị. Ngày 26/4/2018, anh N có đơn đề nghị giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật.

Giấy chứng nhận thương tích ngày 24/4/2018 của Trạm y tế xã S thể hiện: Vào hồi 15 giờ 30 phút ngày 24/4/2018 anh Nguyễn Văn N đến sơ cứu vết thương ở trán bên trái, gồm: 01 vết rách da hình chữ V, 01 vết rách da nằm ngang bên trái thái dương, 01 vết rách da giữa trán bên phải; điều trị: khâu vết thương.

Tại bản kết luận giám định pháp y số 48/2018/TgT ngày 21/5/2018 củaTrung tâm giám định pháp y tỉnh Hưng Yên đối với thương tích của anh N kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là 15%; cơ chế hình thành thương tích là do vật tày cứng có gờ cạnh không đều gây nên.

Ngoài ra anh N còn trình bày trước khi Q dùng gạt tàn thuốc lá đánh vào trán anh N thì Q còn dùng gạt tàn thuốc lá đánh 01 nhát vào lưng anh N. Tuy nhiên, anh N không trực tiếp nhìn thấy Q đánh, bản thân Q không thừa nhận hành vi đánh vào lưng anh N, không có ai khác nhìn thấy Q đánh vào lưng anh N và không có quy định để áp dụng tính tỷ lệ % tổn thương cơ thể đối với thương tích này nên không có căn cứ xác định Q dùng gạt tàn thuốc lá đánh vào lưng anh N.

Vật chứng của vụ án: Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện L đã quản lý: 01 gạt tàn thuốc lá bằng gỗ, màu nâu, cao 10 cm, đường kính 15 cm, có 06 chân; 02 mảnh chén uống nước bằng sứ đều có kích thước (5,3x4) cm, dưới

đít chén có in chữ "bát tràng", mặt ngoài có in hình 07 ông tiên và chữ nho màu xanh.

Đối với thương tích của Q do anh N đánh, Q không yêu cầu đề nghị gì.

Đối với anh Nguyễn Văn C ở thôn Ô, xã Đ, huyện L, tỉnh Hưng Yên là người chăm sóc anh N trong thời gian điều trị vết thương tại Trung tâm y tế huyện L. Anh C không có yêu cầu và đề nghị gì về việc mất thu nhập trong thời gian chăm sóc anh N.

Đối với 01 chiếc chén vỡ trong quá trình xô xát giữa Q và anh N là tài sản của anh Phạm Văn B nhưng anh không có yêu cầu, đề nghị gì.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 31/2018/HS-ST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện L đã quyết định:

1. Căn cứ vào các Điều 45, 46, 260, 268, 269, 299, 326, 327, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ vào điểm đ khoản 2 điều 134; điểm e khoản 1, khoản 2 điều 51; điều 38 Bộ luật Hình sự

2. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phạm Văn Q phạm tội "Cố ý gây thương tích".

3. Về hình phạt: Xử phạt: Bị cáo Phạm Văn Q 03 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt thi hành án.

4.Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, 585, 590 Bộ luật dân sự; Điều 48 BLHS: Buộc Bị cáo Phạm Văn Q phải bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm cho anh Nguyễn Văn N số tiền 6.499.000 đồng. Cho giữ lại số tiền 5.000.000 đồng bị cáo đã nộp trước khi xét xử tại Chi cục THADS huyện L theo biên lai thu số 002036 ngày 13/11/2018 để bảo đảm nghĩa vụ thi hành án. Đối trừ bị cáo còn phải bồi thường tiếp cho anh N số tiền 1.499.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Ngoài ra bản án còn quyết định về vật chứng, án phí, quyền kháng cáo.

Ngày 03/12/2018 bị cáo Phạm Văn Q kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do: Bị cáo bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội Cố ý gây thương tích là oan sai; Bỏ lọt tội cho vay lãi nặng đối với anh Nguyễn Văn N. Đề nghị Tòa án phúc thẩm xét xử lại toàn bộ vụ án và buộc anh N bồi thường tổn thất tinh thần cho bố mẹ bị cáo.

Ngày 03/12/2018 anh Phạm Văn B có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại việc anh N đánh anh Q và yêu cầu bồi thường chén vỡ; bồi thường tinh thần và danh dự cho bố mẹ anh.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Phạm Văn Q: Thừa nhận hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo, bị cáo đề nghị được thay đổi nội dung kháng cáo, chỉ kháng cáo xin được hưởng án treo, cải tạo tại địa phương; bị cáo trình bầy trước đây do văn hóa thấp, nhận thức, hiểu biết pháp luật hạn chế, nên bị cáo không thừa nhận hành vi phạm tội và không chấp nhận bồi thường cho người bị hại, nay bị cáo thấy ăn năn hối hận về hành vi của mình, xin lỗi người bị hại và tự nguyện bồi thường số tiền đã nộp trước đây và tự nguyện nộp thêm số tiền bồi thường 02 triệu đồng cho người bị hại.

Người bị hại Nguyễn Văn N: có quan điểm đề nghị bị cáo phải thanh toán trả số tiền 140 triệu đồng vay nợ, nếu không sẽ không chấp nhận lời xin lỗi của bị cáo; về trách nhiệm dân sự đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm Văn B: Đề nghị được rút yêu cầu kháng cáo, không yêu cầu giải quyết gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên phát biểu quan điểm: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Phạm Văn Q về tội Cố ý gây thương tích theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Sau khi phân tích hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e Điều 357; Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm đ khoản 2 điều 134; điểm b, e, s khoản 1 và khoản 2 điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về án phí, lệ phí Tòa án, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Văn Q; sửa bản án hình sự sơ thẩm số 31/2018/HS-ST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hưng Yên, xử phạt bị cáo Q 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm, về tội "Cố ý gây thương tích". Về trách nhiệm dân sự đối trừ số tiền bị cáo đã bồi thường trước đó tại cấp sơ thẩm và số tiền bị cáo đã nộp tại cơ quan thi hành án.

Chấp nhận việc rút yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Phạm Văn B; Đình chỉ việc xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo của anh Phạm Văn B và giải quyết án phí theo quy định của pháp luật.

Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xem xét. Đã có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Đơn kháng cáo của bị cáo Phạm Văn Q và đơn kháng cáo của anh Phạm Văn B được làm trong thời hạn do pháp luật quy định là hợp pháp.

[2]. Xét kháng cáo của bị cáo Phạm Văn Q, Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ lời khai của bị cáo, lời khai của người bị hại, người làm chứng là bà T, chị M, chị G cùng các tài liệu có trong hồ sơ như biên bản khám nghiệm hiện trường;

kết luận giám định...đã có đủ căn cứ kết luận: Vào khoảng 14 giờ, ngày 24 tháng 4 năm 2018, anh N có đến nhà bị cáo Q để hỏi về việc bị cáo vay số tiền 140.000.000 đồng. Sau đó, giữa bị cáo và anh N có lời qua tiếng lại, anh N gọi bị cáo là con chó, đập tay xuống bàn, tát bị cáo một nhát và bị cáo đã dùng tay trái cầm gạt tàn thuốc lá bằng gỗ, màu nâu, cao 10 cm, đường kính 15 cm, có 06 chân đánh vào vùng trán anh N gây thương tích tổn hại sức khoẻ cho anh N là 15%. Khi dùng chiếc gạt tàn bằng gỗ đánh vào vùng trán và đầu của anh N, bị cáo nhận thực được hành vi thực hiện là nguy hiểm, sẽ gây thương tích tổn hại sức khỏe của bị hại nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo đã thỏa mãn các yếu tố cấu thành tội Cố ý gây thương tích theo quy định tại Điều 134 Bộ luật hình sự. Do chiếc gạt tàn bằng gỗ gây thương tích cho anh N là hung khí nguy hiểm nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng định khung hình phạt theo quy định tại điểm đ khoản 2 điều 134 Bộ luật hình sự. Do vậy Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội Cố ý gây thương tích theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, không oan sai.

Về nội dung ban đầu bị cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm bỏ lọt tội cho vay lãi nặng đối với anh N, Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo khai khoảng tháng 11 năm 2017 vay anh N số tiền 140.000.000đ, lãi suất 8.500.000đ/tháng; thời hạn vay là 02 tháng. Sau đó, anh N gia hạn thời hạn vay từ 02 đến 06 tháng nữa. Bị cáo đã trả lãi được anh N 04 tháng. Tuy nhiên bị cáo không có tài liệu, giấy tờ chứng minh về thỏa thuận tiền vay, lãi suất cũng như tài liệu chứng minh đã trả lãi hàng tháng cho số tiền trên. Lời khai của bị cáo về số tiền trả lãi, các lần trả lãi và người nhận là không thống nhất. Lúc bị cáo khai chỉ nhớ đưa tiền lãi 03 tháng cho người tên là I làm thuê cho anh N nhận hộ nhưng không biết họ tên, địa chỉ cụ thể của I; đưa tiền lãi 01 tháng cho anh N. Ngày 30/11/2018 bị cáo lại khai đã đưa cho anh Vũ Văn A là người được anh N nhờ đến thu tiền lãi số tiền là 8.500.000đ, cũng không có giấy tờ gì và anh A đã đưa lại cho chị Ê kế toán công ty của anh N nhưng không biết họ tên, địa chỉ cụ thể của chị Ê. Mặt khác anh N không thừa nhận cho bị cáo vay số tiền 140.000.000đ với mức lãi suất 8.500.000đ/tháng, không thừa nhận đã nhận tiền trả lãi của bị cáo; không nhờ anh A hay anh I thu tiền lãi của bị cáo; không thừa nhận về số tiền 8.500.000 đồng do anh Athu của bị cáo và giao cho chị Ê kế toán công ty ghi vào sổ. Mặt khác nội dung này đã được Tòa án cấp sơ thẩm làm rõ, đồng thời tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không yêu cầu xem xét nội dung này nữa.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, kháng cáo của bị cáo, thì thấy: Tại phiên toà sơ thẩm, do nhận thức, bị cáo đã không thành khẩn khai báo, không hối cải, không có nhiều tình tình tiết giảm nhẹ, nên cấp sơ thẩm xét xử bị cáo với mức hình phạt như trên là đúng không oan sai. Tuy nhiên tại cấp phúc thẩm bị cáo có đơn xin cải tạo tại địa phương, thừa nhận hành vi phạm tội và trình bầy hoàn cảnh khó khăn có xác nhận của địa phương. Bị cáo đã nộp thêm tiền và chấp nhận tự nguyện bồi thường hết số tiền trách nhiệm dân sự cho người bị hại, bố đẻ bị cáo là người có công với cách mạng được tặng thưởng huân chương kháng chiến. Xét nguyên nhân xẩy ra vụ án do lỗi của anh N đã gây kích động cho bị cáo, dẫn tới việc bị cáo phạm tội nên bị cáo được hưởng

các tình tiết giảm nhẹ: "*Phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của nạn nhân gây ra, thành khẩn khai báo, khắc phục hậu quả...*" quy định tại các điểm b, e, s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ mới, có nơi cư trú rõ ràng, nên xét thấy không cần không thiết phải buộc cách ly bị cáo ra ngoài xã hội mà chỉ cần xử bị cáo mức án tương xứng với tính chất mức độ của hành vi phạm tội và áp dụng hình phạt tù có điều kiện cho bị cáo được cải tạo tại địa phương, buộc bị cáo chịu sự giám sát, giáo dục của gia đình, chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú là thỏa đáng đồng thời cũng đủ điều kiện răn đe, cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung, vẫn đảm bảo tính nghiêm minh và thể hiện tính nhân đạo của pháp luật.

[3]. Xét kháng cáo của anh Phạm Văn B, Hội đồng xét xử thấy: Tại giai đoạn điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm anh Báu xác định chiếc chén anh N làm vỡ là của anh và anh không có đề nghị bồi thường gì. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm đã không xem xét là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm anh B đã tự nguyện rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo và không đề nghị xem xét nên Hội đồng xét xử phúc thẩm sẽ Đình chỉ việc xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo của anh Phạm Văn B.

Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên tại phiên tòa có căn cứ được chấp nhận.

[4]. Về trách nhiệm dân sự: Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ Điều 584, 585, 590 Bộ luật dân sự; Điều 48 Bộ luật hình sự để buộc bị cáo Phạm Văn Q phải bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm cho anh Nguyễn Văn N số tiền 6.499.000 đồng. Cho giữ lại số tiền 5.000.000 đồng bị cáo đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, theo biên lai thu số 002036 ngày 13/11/2018 để bảo đảm nghĩa vụ thi hành án. Đối trừ bị cáo còn phải bồi thường tiếp cho anh N số tiền 1.499.000 đồng, là có cơ sở. Người bị hại không kháng cáo. Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Phạm Văn Q tự nguyện nộp tiếp tiền để bồi thường thiệt hại do sức khỏe cho anh Nguyễn Văn N với số tiền 02 triệu đồng theo biên lai thu số 002037 ngày 15/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, như vậy tổng số tiền bị cáo đã nộp để bồi thường cho người bị hại là 7.000.000đ triệu đồng. Xét sự tự nguyện này của bị cáo là không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử sẽ sửa bản án sơ thẩm ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo, đối trừ vào số tiền bị cáo đã nộp, phần trách nhiệm dân sự bị cáo đã thi hành xong.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Bị cáo Phạm Văn Q kháng cáo được chấp nhận nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Phạm Văn B phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Áp dụng: Điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357; Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Văn Q, sửa bản án hình sự sơ thẩm số 31/2018/HS-ST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện L đối với bị cáo Phạm Văn Q như sau:

Áp dụng: Điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, e, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Văn Q 03 (ba) năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (lăm) năm, về Tội cố ý gây thương tích; Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm 04/3/2019.

Giao bị cáo Phạm Văn Q cho Ủy ban nhân dân xã S, huyện L, tỉnh Hưng Yên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp bị cáo Phạm Văn Q thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

[2]. Áp dụng: Điểm đ khoản 1 và khoản 2 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận việc rút yêu cầu kháng cáo của anh Phạm Văn B. Đình chỉ việc xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo của anh Phạm Văn B.

[3]. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, 585, 590 Bộ luật dân sự; Điều 48 Bộ luật hình sự;

Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Phạm Văn Q bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm cho anh Nguyễn Văn N số tiền 7.000.000đ (bẩy triệu đồng). Đối trừ vào số tiền bị cáo đã nộp theo biên lai thu số 002036 ngày 13/11/2018 và biên lai thu số 002037 ngày 15/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, phần trách nhiệm dân sự trong vụ án bị cáo Phạm Văn Q đã thi hành xong.

[4]. Về án phí: Bị cáo Phạm Văn Q không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Anh Phạm Văn B phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Đối trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí anh Báu đã nộp theo biên lai thu số 004321 ngày 12/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L, anh B đã thi hành xong.

[5]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- Phòng PC10 - CA tỉnh Hưng Yên;
- CA, VKSND huyện L;
- TAND huyện L;
- Chi cục THA dân sự huyện L;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Đồng Dực